

Chương IV.— Quy tắc đã theo

Sau khi xét kỹ những nguyên-tắc trên, tôi đã định theo sự tiến-hóa thiên-nhiên của Việt-âm mà tham-dụng cả ba phương-sách.

Mỗi khi đặt một chữ, tôi bắt đầu nghĩ nèn theo phương-sách nào, sau khi quyết-dịnh tôi lại nghĩ để xem dùng phương-sách ấy ra làm sao. Quy-tắc đã theo có thể liệt-kê ra sau đây

A.— CHỌN PHƯƠNG-SÁCH. 1.— Một chữ Pháp thường có nhiều nghĩa. Tôi kiếm những nghĩa thuộc về khoa-học hay là cần dùng trong sự lập-luận khoa-học. Rồi mỗi nghĩa đặt theo một chữ; chỉ trừ lúc nào những nghĩa ấy xa nhau lắm thì tôi vẫn đặt một chữ mà thôi.

Vi-du chữ *analyse* có ý *chia*, nhưng dùng ra có nhiều nghĩa gần nhau. Một nghĩa thuộc về triết-học: luận-lý đi từ kết-quả đến nguyên-nhân. Tôi dùng chữ *phân-giải*. Khi đặt vào câu, có lúc nói phép phân-giải, hoặc là sự phân-giải: *raisonner par analyse* là lý-luận theo phép phân-giải và *analyse d'une question* là sự phân-giải một vấn-đề. Nghĩa thứ hai là chia rẽ ra từng phần. Tôi lấy chữ *phân-tích*. *Analyse de la lumière* là phân-tích ánh-sáng. Nghĩa thứ ba thuộc về toán-học, nó bao-hàm hết cả các môn khảo-cứu về phương-trình và hàm-số. Tôi gọi ý ấy là *giải-tích*.

2.— Lúc đã chia ra từng nghĩa và nhận nghĩa ấy rõ ràng rồi, tôi bèn nghĩ xem ý ấy thông-thường hay là đã vào trình-độ khá cao, mà người không học khoa-học không cần hiểu tới.

Nếu ý thông-thường thì tôi gắng tìm chữ thông-thường mà đặt, để làm sao khi nào đọc tiếng lên có thể đoán được nghĩa. Vi-du chữ *zéro* là một số chỉ sự không có. Vì toán-học ta chưa cần đến ý ấy nên tiếng thông-thường ta không có. Nay dùng tiếng gì. Nèn phiên-âm chẳng? Những người đã học toán-học bằng pháp-văn thì có lẽ nghe tiếng phiên-âm *dê-rô* là hiểu ngay. Nhưng đối với người chưa học thì đó là một tiếng lạ chỉ một ý rất quen. Vậy nên tôi dùng chữ *số không*. Nó đủ nghĩa, dễ nhớ, gọn gàng, đọc lên đoán được nghĩa. Chỉ hiềm là trong một câu, tiếng không có thể hiểu lầm ra một trạng-tự mà thôi; nhưng sự đó không hề chi, tiếng nào cũng vậy, mà nhất là tiếng ta, chức-vụ một chữ trong một câu dễ lẫn lộn. Người dùng chữ phải tránh đặt câu ám ở mà thôi. Và dùng dấu gạch nối là một cách rất diệu để tránh khỏi sự lẫn lộn ấy. Người Nhật dùng tiếng *rê*, người Tàu dùng tiếng *linh*. Tiếng *rê* có sự bất tiện của chữ phiên-âm, còn tiếng *linh* dùng vào tiếng ta lại thành nghĩa lẽ, như trong câu 1005 là một nghìn linh năm.

Cũng vì định-ý dùng chữ thông-thường để chỉ ý rất thông-thường mà tôi đã dùng những tiếng *thẳng góc, song song, đứng thẳng, nằm ngang*, mà chỉ những ý *perpendiculaire, parallèle, vertical, horizontal*.

3. — Lúc nào không dùng tiếng thông-thường hoàn-toàn được thì tôi phải lấy gốc ở chữ nho. Đây tôi lấy hai điều-kiện "*để nhớ đến nghĩa, và gọn gàng*" làm chủ. Sau khi chọn gốc ở chữ nho, tôi chấp nó vào tiếng khác cốt sao cho khỏi lầm nghĩa chữ này với chữ kia. Ví dụ ý *isotherme* là một ý cũng khá thông-thường, nghĩa đen nó là nóng đều, nhưng dùng ra không đúng nghĩa như vậy: chính nghĩa là *nhiệt-độ không đổi*. Dùng toàn tiếng thông-thường cả thì phải nói như vậy. Đó không phải một danh-từ nữa mà là một câu. Nên tôi dùng tiếng *đẳng-nhiệt*, vừa gọn gàng vừa có gốc làm cho dễ nhớ ý. Cũng vì những lẽ ấy mà tôi đặt những chữ như *nội-tiếp, ngoại-tiếp, bàng-tiếp* để chỉ *inscrit, circonscrit, và exinscrit*.

4. — Nhiều lúc, ý rất thông-thường mà không thể dùng tiếng thông-thường hay là gốc nho dễ hiểu mà chỉ được. Bất đắc dĩ tôi phải dùng những gốc Hán-tự khó hiểu cho những người không học chữ nho tí nào. Ví dụ ý *sublimier* là từ chất rắn hóa ra chất hơi, không thể diễn ra bằng tiếng *bay hơi* hay *bốc hơi*. Trong văn thường thì người ta có thể nói *nước đá bốc hơi*. Nhưng về khoa-học thì tôi dùng tiếng *thăng-hoa*, để khỏi lầm với ý *évaporer*. Nói thực ra thì ta có thể tự ý định-nghĩa rằng *évaporer* là bốc hơi, và *sublimier* là bay hơi. Nhưng không có lý gì ta có thể định như vậy. Cũng vì lẽ ấy mà tôi phải dùng chữ *dung-dịch* để chỉ *solution* nghĩa là một chất nước, hoặc một chất rắn có một chất rắn khác hòa tan trong.

5. — Khi nào ý không thông-thường nữa và thuộc vào bậc cao, nếu dùng được chữ thông-thường càng hay, không thì cũng không ngại gì. Ví dụ *ligne de courbure* là một đường vẽ trên một mặt, qua một điểm nhất định, tại điểm đó độ cong của nó là lớn hơn nhất hay bé hơn nhất tất cả các đường vẽ trên mặt và cũng qua điểm đó. Tôi dùng tiếng *đường chính-khúc*, nếu có ai cho rằng không được thông-thường thì cũng chẳng hề chi. Cũng vì vậy mà tôi gọi *spectre lumineux* là *quang-phổ*, *énergie potentielle* là *thế-năng*. Chính những người Pháp, chưa học tới toán-học và vật-lý-học cao-cấp, cũng không hiểu những tiếng Pháp ấy là gì. Chữ đặt trên gọn và không lầm với chữ chỉ ý khác, và đối với các nhà toán-học và lý-học, nó có gốc làm cho dễ nhớ nghĩa.

6. — Nếu dùng tiếng thông-thường không được và dùng gốc nho cũng không lợi; thì tôi dùng tiếng phiên-âm. Tôi dùng tiếng phiên-âm trong hai trường-hợp. Một là vì người ta đã dùng nó từ

lâu, mà nay dùng không hai cho sự khoa-học. Ví dụ như tiếng *pin* là *pile*, *bu-long* là *boulon*. Trường-hợp thứ hai là đối với những tiếng rất chuyên-môn, mà ít dùng ngoài phạm-vi khoa-học, như những tên các đơn-vị, tên các đường, các mặt về toán-pháp cao-cấp, tên các hiện-trạng không tả ra bằng tiếng nho hay tiếng thông-thường được và nhất là tên tất cả các chất hóa-học. Ví-dụ: *mét* là *mètre*, *gờ-rát* là *grade*, *at-môt phe* là *atmosphère*, *cô-níc* là hình conique, *ca-thê-nô-it* là mặt cathénoïde, *êu-tec-ti* là eutectie, *a-cít* là acide, *pen-tan* là pentane,

Nhưng cũng không phải tôi phiên-âm tất cả những ý ở trong trường hợp ấy. Chữ nào mà đã thành quốc-tế, không thì ít ra cũng chung âm ở tiếng Pháp Anh, hay Pháp Đức, thì tôi mới dùng phương-sách ấy.

B. — DÙNG PHƯƠNG-SÁCH. Trên này tôi nói về cách chia ý và chọn phương-sách. Nói tóm lại, nếu tiếng Pháp có nhiều nghĩa gần nhau, mỗi nghĩa tôi đặt một tiếng. Nếu những nghĩa ấy xa nhau, tôi chỉ đặt một tiếng. Tôi gắng dùng tiếng thông-thường để chỉ những ý rất thông-thường. Nếu không được thì tôi dùng gốc nho, tìm gốc dễ nhớ trước: Nếu cũng không được thì tôi dùng gốc khó. Lúc nào tiếng rất chuyên-môn và có tính cách quốc-tế thì tôi dùng lối phiên-âm.

Sau này tôi lại bàn đến việc sau khi phương-sách chọn rồi dùng phương-sách ấy thế nào.

1. — Lúc dùng tiếng thông-thường thì tôi không nệ tiếng Nam hay Bắc. Tôi theo ý mà chúng tôi đã định trong khi làm lại bộ Việt-nam tự-điển của ban văn-học Khai-tri tiến-đức, những tiếng dùng riêng của mỗi xứ nay ta phải để chung chớ không phân-biệt như trong một vài tự-điển trước. Vài chữ nào dùng được thì tôi dùng. Tôi viết theo như lối Nghệ-tĩnh là lối không lằm về chữ mâu-tự đứng cuối chữ. Còn dấu thì tôi theo lối xứ Bắc là có phân-biệt rõ ràng dấu hỏi, ngã và nặng. Tôi tham-dự vào việc làm lại Việt-nam tự-điển trong năm năm nay, nên tôi đã dùng một vài điều đã kinh-nghiệm. Ngoài những ý riêng thì tôi dùng các tự-điển có sẵn, nhất là Tự-điển Trương-vĩnh-Ký, Tabert, Ravier, PGV và Pháp-việt-hán tự-điển Đào-duy-Anh. Nhưng những quyển ấy không phải chuyên-môn nên tuy có ích, nhưng sót và sai cũng nhiều.

2. — Vả nhiều khi một chữ mới xem qua tưởng là hay lắm, nhưng lúc thí-nghiệm dùng thì mới thấy không dùng phổ-thông được. Ví-dụ chữ *robinet* ai chả bảo là *vòi nước*, nói rộng ra thì *vòi rượu*, *vòi hơi*. Nhưng xét kỹ thì ta thấy rằng *vòi* là chỉ một bộ phận chia ra ngoài và có hình ống cong. Dịch *robinet* ra *vòi* là chỉ lấy hình-thức

mà thôi. Nhưng thực ra nhiều robinet không có vòi. Robinet chỉ là bộ-phần làm cho nước, hơi hoặc khí chảy thông hay không. Nhưng không phải là cái nút. Tôi dùng tiếng *khóa nước* hay *khóa hơi*. Lúc nào mà cái khóa ấy có hình vòi thì tôi gọi là vòi nước, vòi hơi.

3.— Tiếng thông-thường có khi có sẵn trong thường-ngữ hoặc trong văn-chương, tôi chỉ cần áp-dụng cho thích-hợp mà thôi, ví-dụ như những tiếng *nóng*, *chảy* là *fondre*, *đều đặn* là *régulier* trong polygone *régulier*, *đều* là những tiếng ta thường dùng trong thường-ngữ; tiếng *song song* thay cho *song-hành* là một tiếng có sẵn trong văn-chương ta (trong câu: hai hàng gót ngọc đứng song song). Nhưng nhiều khi những tiếng mình không đúng với nghĩa khoa-học, thì tôi phải ghép những tiếng thông-thường lại mà đặt. Ví-dụ ý *précipiter* về hóa-học là nói lúc ta rót một chất nước trong vào một chất nước trong khác, tự nhiên ta thấy một chất đặc hiện ra tua-túa và dần-dần lắng xuống. Người Tàu dùng hai chữ trầm-diện 沉 澱. Tuy là một hiện-tượng rất quen, ta không có danh-từ để gọi. Tôi lấy hai ý: kết thành và tủa ra mà gọi *kết tủa*. *Précipiter* là *kết-tủa*, *précipitation* là sự, phép *kết-tủa*, *précipité* là *vật kết-tủa*, *chất kết-tủa*, v...v...

4.— Khi kiểm chữ thông-thường không có thì tôi xem những sách danh-từ khoa-học, tự-diễn thường hay khoa-học của Trung-hoa và Nhật-bản, và các sách giáo-khoa của hai nước ấy. Vì chiến-tranh tôi không có đủ những sách muốn xem, nhưng trong lúc khảo-tra, tôi đã dùng nhiều sách, nhất là Toán-học tự-diễn, Vật-lý-học danh-từ, Thiên-văn-học danh-từ, Lý-hóa tự-diễn, Bách-khoa danh-vựng, Vật-lý-học tự-diễn, Pháp-Hán khoa-học tự-diễn, và nhiều sách giáo-khoa sơ-cấp và cao-cấp của Trung-hoa và Nhật-bản.

Lúc nào chữ của Trung-hoa và Nhật-bản có thể dùng được thì tôi lấy văn của họ rồi tôi diễn ra âm ta. Nhưng khi nào có lẽ gì làm tôi không nhận, thì tôi sửa chữa mà đặt danh-từ mới. Những trường-hợp thay đổi, tôi sẽ kể sau.

5.— Nếu chữ người đặt dài quá thì cắt ngắn đi. Như chữ đạo-hàm-số thì tôi chỉ lấy *đạo-hàm* (*dérivée*), *lưu-thể-tĩnh-lực-học* thì tôi lấy *thủy-tĩnh-học* (*hydrostatique*). Có lúc chữ tôi đặt thế đối với người thông chữ nho thì thiếu nghĩa, nhưng sự ấy cũng chẳng hề chi. Kể thực, thì danh-từ của Trung-hoa dùng ngày nay rất là gọn, phần nhiều tôi chỉ phải bớt một tiếng mà thôi.

6.— Nếu chữ họ dùng đối với ta khó nhớ vì không có gốc dễ hiểu, tôi đổi lại cho hợp với cách hiểu của ta hơn. Ví-dụ tiếng *kỹ-hà* là *géométrie*, tôi đổi lại *hình-học*, tiếng *tọa-tiên* là *coordonnée* tôi đổi lại là *tọa-độ*.

7.— Có nhiều chữ của họ, khi dùng trong tiếng ta, lại làm hiểu lầm nghĩa, nhất là lúc dùng một mình. Ví-dụ tiếng *hạng* là

terme. Dùng ra tiếng ta thì lại hiểu là catégorie, classe. Cho nên tôi đổi ra *hạng-thức*, nhưng ý ấy lúc vào trong những ý kép như monôme, polynôme, tôi lại chỉ dùng tiếng *thức* mà thôi. Monôme : đơn-thức, polynôme là : đa-thức.

8.— Nombre positif và nombre négatif, người Trung-hoa theo chữ cổ gọi là *chính-số* và *phụ-số*. Ý *chính* và *phụ* không đúng, nên tôi đổi là *số âm* và *số dương*. Đó là một thí-dụ trong nhiều trường-hợp như vậy. Mỗi lúc nhận thấy chữ của người đặt không hợp lẽ, nhưng đặt ra đời trước nay quen dùng nên họ vẫn giữ, thì tôi không có lẽ gì giữ cái không hay của họ, nên tôi đổi.

9.— Mỗi lúc mà có thể đảo hai ý trong một danh-từ để cho phần bị chỉ-định lên trên và phần chỉ-định xuống dưới, thì tôi đảo lại, để cho thành tiếng Việt-nam. Khi nào ý kép gồm có hai phần và có ít ra là ba tiếng thì tôi đều đảo lại. Ví-dụ *coordonnée géocentrique* Trung-hoa và Nhật-bản gọi là *địa-tâm tọa-tiên*, thì tôi gọi là *tọa-độ địa-tâm*; *nombre fondamental* tôi gọi là *số cơ-bản* chứ không gọi *cơ-bản số*. Nhưng khi nào tuy chữ có ba tiếng nhưng ý không phải kép thì tôi cũng để nguyên không đảo, ví-dụ *chaleur-lumière* là *calorimètre*.

10.— Lúc nào chữ kép mà chắp hai âm lại thành ra thì tùy theo những âm ấy quen lắm hay không mà tôi đảo lại hay để ngược. Ví-dụ *pôle magnétique* tôi đặt là *từ-cực*, chứ gọi *cực-từ* thì dễ lầm nghĩa. Còn *point mobile* thì tôi lại gọi là *điểm động* vì không sợ lầm nghĩa.

11.— Nhiều khi cũng một ý ấy mà nơi dùng âm nôm, nơi dùng âm chữ nho. Đó là có ý kép có chữ đi kèm, nên muốn tránh sự lầm-lẫn mà phải đổi như vậy. *Angle de rotation* thì tôi gọi là *góc quay* mà *angle de dépression* thì phải gọi là *phủ-giác*; nếu ý sau gọi là *góc lõm xuống* thì lại sai nghĩa của ý. Còn ý trên thì gọi là *toàn-giác* thì có lợi hơn *góc quay* vì *góc quay* có thể hiểu ra *angle tournant*, nhưng hai ý này xa nhau, nên dễ phân-biệt, tôi đã dùng tiếng thông-thường mà bỏ tiếng chữ nho.

Thí-dụ thứ hai là cũng ý *angle* ấy nhưng dùng vào trong ý khác. *Triangle* thì tôi dùng tiếng *tam-giác*, mà *pentagone* thì tôi dùng *hình năm góc*. Đặt như thế vì chữ sau không mấy khi đi với chữ khác thành ý đôi hay dùng, còn chữ trước thì luôn luôn đứng cạnh chữ khác và rất hay dùng. Chữ sau thì tôi có thể theo qui-tắc dùng tiếng thông-thường trước tiếng gốc nho. Nhưng chữ trước nếu làm như vậy thì lại dễ sinh sự lầm lẫn nghĩa. Chữ *tam-giác* ghép thành *tâm-giác đều cạnh*, *tam-giác đều góc*, *tam-giác vuông góc*.

Chính chữ Pháp về ý góc mà cũng dùng cả hai tiếng *angle* và *gone*.

12. — Khi gặp chữ định đặt theo phương-sách gốc nho mà tôi không thấy chữ đặt của Trung-hoa và Nhật-bản thì tự tôi đặt lấy. lẽ chữ ấy không được « Trung-hoa » lắm, nhưng sự ấy cũng không hề chi. Từ khi ta lấy chữ nho mà làm giàu thêm Việt-ngữ, ta đã đặt biết bao nhiêu chữ « dốt » như vậy, mà nó cũng đã dùng quen. Ví-dụ *lục-lộ*, *thương-chánh*, vân vân.

13. — Khi nào tôi đã định dùng lối phiên-âm, thì tôi cũng phân chữ làm hai hạng. Nếu chữ chỉ một ý mà nay đã thông-thường, hoặc đã có phiên-âm từ trước thì tôi theo phiên-âm sẵn. Thịnh thoảng tôi có đổi chút đỉnh để cho đúng tiếng nguyên gốc của nó mà thôi. Ví-dụ *savon* thì tôi lấy xa-vông (tiếng thường nói là xà-phòng) hoặc *ciment* thì tôi để xi-măng (tiếng thường nói xi-mong hoặc xi-mo).

Còn những tiếng mà chỉ có người học chuyên-môn cần, hoặc ít dùng ra ngoài phạm-vi khoa-học, thì tôi chú-trọng về cả âm, về cả tự-dạng. Những chữ ấy phần nhiều là quốc-tế, không thì ít ra cũng mấy văn chính là quốc-tế, nên tôi không toàn theo âm Pháp. Và nhiều lúc tôi chịu sai âm mà gắng lấy tự-dạng đúng. Đó là có lợi trong sự nhận những chữ ấy trong khi dùng sách báo chuyên-môn của nước ngoài.

14. — Muốn đạt mục-dịch ấy, tôi nghĩ phải thêm vào văn quốc-ngữ mình nhiều văn thiếu, mà nay ta cần dùng, như văn p, văn z, ce, ci, cè (đọc xe, xi, xè) và những văn trắc *ol* và *al* mà không có thể cho lắm với *on* và *an* được.

14. — Về tên hóa-học, tôi hoàn-toàn dùng lối phiên-âm. Nhưng tên các chất hóa-học có hơn bốn mươi vạn. Tôi có đặt một danh-pháp tượng-tự như danh-pháp của các tiếng Âu-châu để có thể đặt tất cả những chất về khoáng-chất và một phần ít chất hữu-cơ. Sau này, tôi có một chương riêng nói về danh-từ hóa-học.

15. — Trong tập danh-từ này, tôi rất hay dùng cái *gạch-nối*. Văn-dề cái *gạch-nối* đã có nhiều người bàn. Kẻ bảo nên bỏ vì sự in, sự viết lòi thối. Kẻ bảo nên thông-dụng vì nó có lợi làm rời hẳn một nhóm chữ trong câu, cho nên nghĩa nó rõ ràng. Tôi cũng đồng ý với những người sau này. Tiếng nước mình còn vào trình-độ hàm-hồ, vì thế nên có nhiều câu có thể giảng ra nhiều nghĩa. Sự ấy đối với thơ không những không quan-ngại, mà còn làm cho câu thơ mình nhiều khi ngắn-ngủi mà hàm nhiều tứ. Nhưng đây là tôi nói đến việc thực-tế, như trong khoản-trước, trong văn-từ khoa-học. Có cách gì làm thêm rõ nghĩa câu văn thì ta nên làm; nào cách dùng chữ, nào cách đánh dấu, ta nên để ý tới. Chắc ai cũng biết rằng văn nôm ta khi trước, cũng như văn chữ Hán, không chấm câu, nếu

TU SACH
Bui Thanh Hoi

những người chưa thông khó lòng mà hiểu được. Nay ta dùng chữ la-tinh có cái lợi vô ngần là có thể dùng được tất cả các dấu của họ. Như vậy, không có lý gì mà ta không dùng dấu gạch-nối. Còn sự ấn-loát, hoặc viết, thì cũng có phiền-phức thực, nhưng dấu nào cũng gây ra điều phiền-phức như vậy. Dấu gạch-nối tuy nhiều hơn các dấu khác, nhưng thử xem các nước Trung-hoa và Nhật-bản họ còn bị nhiều điều bất-tiện bằng mấy ta nữa, mà họ cũng không bỏ lối chữ họ đi. Xin đừng tưởng họ dại hơn mình.

Còn có cách nữa là viết liền chữ lại. Tuy là có lợi lắm, nhưng sợ táo-bạo quá, ít người hưởng-ứng, nên tôi không dùng.

Nay mới bắt đầu dùng tiếng khoa-học một cách lan rộng, ta còn mong sẽ dùng nó về giáo-khoa và thực-hành. Nên những chữ mới cần thấy rõ ràng trong câu viết, để câu thêm rõ nghĩa. Sau này, lúc tiếng đã phổ-thông thì bỏ một phần gạch-nối cũng chẳng hề chi.

Trong những chữ phiên-âm tôi lại còn bỏ dấu sắc trên các chữ có vần trắc mà cuối cùng có c, ch, p, t. Vấn-đề bỏ dấu huyền, sắc, nặng, hỏi, hiện dùng và thay bằng cách ký-hiệu khác, đây tôi không tiện bàn đến, nhưng dấu sắc trên các vần kia thì thật là vô ích. Tôi nghĩ bỏ đi cũng đỡ được một phần.

Cùng trong những chữ phiên-âm, tôi còn thay chữ đ bằng đ; và vần đ bằng vần z.